

Bản án số: 22/2023/HC-PT

Ngày: 10-01-2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Mai Xuân Thành.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10-01-2023, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 200/2022/TLPT-HC ngày 13-10-2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2022/HC-ST ngày 28-3-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 449/2022/QĐ-PT ngày 19-12-2022, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1937; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 24-8-2021):

Ông **Trần Đình A**, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố H; địa chỉ cư trú: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền số 2071/UBND ngày 21-7-2021):

Ông **Nguyễn Minh L** - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1.1. Ông Vương Quốc H - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

1.2. Ông Trần Thanh K - Chức vụ: Công chức địa chính xã C, thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

2. Chi cục Thuế thành phố H; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 21-7-2021):

Ông Nguyễn Văn M - Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Võ Văn Q, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: thành phố H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Đình P, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 25-11-2004, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã (nay là thành phố) H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị M đối với diện tích đất là 1.268,1 m², thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C (theo Hồ sơ 299/TTg là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 6), mục đích sử dụng là đất ở và đất vườn

Ngày 15-11-2019, UBND thành phố H cấp đổi Giấy CNQSDĐ cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị M, theo đó UBND thành phố H xác định diện tích đất ở là 222,9 m², đất trồng cây lâu năm là 1.068,1 m².

Ngày 31-8-2020, bà Nguyễn Thị M nộp hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất tại Trung tâm hành chính công thành phố H, xin chuyển toàn bộ phần diện tích đất trồng cây lâu năm là 1.068,1 m² thành đất ở theo Hồ sơ đăng ký 299/TTg và ngày 25-9-2020, bà Nguyễn Thị M nhận được Thông báo số LTB2050303-TK0004962/TB-CCT về việc nộp tiền sử dụng đất với số tiền là 2.285.850.000 đồng, Thông báo số LTB2050303-TK0004961/TB-CCT về việc nộp tiền lệ phí trước bạ với số tiền là 23.325.000 đồng.

Gia đình bà Nguyễn Thị M sử dụng thửa đất này từ trước năm 1975, có đăng ký theo Chi thị 299/TTg với toàn bộ diện tích sử dụng vào mục đích thổ cư và có kê khai theo Hồ sơ 201/CP, nên phải được công nhận toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11 là đất ở theo quy định của pháp luật. UBND thành phố H buộc gia đình bà M phải thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất là không đúng pháp luật.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

- Hủy Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 17-9-2020 của UBND thành phố H về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

- Hủy Công văn số 1463/UBND ngày 31-5-2021 của UBND thành phố H về việc thông tin cho công dân;

- Hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2050303-TK0004962/TB-CCT ngày 25-9-2020 và Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2050303-TK0004961/TB-CCT ngày 25-9-2020 của Chi cục Thuế thành phố H;

- Buộc UBND thành phố H xác định lại diện tích đất ở của hộ bà M theo đúng quy định của pháp luật.

Tại đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 01-12-2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Hủy Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 17-9-2020 của UBND thành phố H về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2050303-TK0004962/TB-CCT ngày 25-9-2020 và Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2050303-TK0004961/TB-CCT ngày 25-9-2020 của Chi cục Thuế thành phố H và sửa một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Công văn số 1463/UBND ngày 31-5-2021 của UBND thành phố H về việc thông tin cho công dân và buộc UBND thành phố H nhận lại hồ sơ, xác định lại diện tích đất ở đối với thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C, thành phố H cho hộ bà Nguyễn Thị M theo đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện:

- UBND thành phố H trình bày:

Qua kiểm tra các hồ sơ pháp lý có liên quan, Báo cáo số 207/BC-TNMT ngày 25-8-2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, thì thửa đất mà người khởi kiện có đơn được thể hiện trong hồ sơ đăng ký đất đai qua các thời kỳ cụ thể như sau:

Theo Hồ sơ Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 6, xã C, diện tích 1.260 m², loại đất có ký hiệu T, do bà Nguyễn Thị M (hoặc Mau) đứng tên kê khai, đăng ký (do UBND xã C lập năm 1983).

Theo Hồ sơ Nghị định 64/CP của Chính phủ là thửa đất số 81, tờ bản đồ số 4, xã C, diện tích 1.200 m², loại đất có ký hiệu T, do bà Nguyễn Thị M đứng tên kê khai, đăng ký.

Theo hồ sơ đo mới VN.2000 là thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C, diện tích 1.268,1 m² gồm 200 m² đất ở tại nông thôn và 1.068,1 m² đất trồng cây lâu năm do bà Nguyễn Thị M đứng tên kê khai, đăng ký.

Ngày 25-11-2004, UBND thị xã (nay là thành phố) H cấp Giấy CNQSDĐ số Đ 386762 cho hộ bà Nguyễn Thị M với diện tích 1.268,1 m² tại thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C. Sau đó, hộ bà M nộp đơn đề nghị chỉnh lý biên động quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất và được UBND thành phố H cấp Giấy CNQSDĐ số CT 277646 ký ngày 15-11-2019 đối với thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C với diện tích 1.291 m² (gồm 222,9 m² đất ở tại nông thôn và 1.068,1 m² đất trồng cây lâu năm).

Trên cơ sở đề nghị của bà Nguyễn Thị M; ngày 17-9-2020, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 377/QĐ-UBND về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở sang đất ở với diện

tích 933 m² tại thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C mà hộ bà M đang sử dụng; đồng thời, hộ bà M phải thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp phí và lệ phí theo quy định.

Đối với Hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ tại thành phố H chỉ là Sổ mục kê đất đai, không phải một trong các loại giấy tờ được lập trước ngày 15-10-1993 để làm căn cứ xác định đất ở đối với các trường hợp có đất vườn, ao theo quy định tại khoản 2 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 17-9-2020 của UBND thành phố về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ bà Nguyễn Thị M là đảm bảo quy định của pháp luật.

Đồng thời, căn cứ quy định tại khoản 47 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; khoản 6 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29-9-2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, thì việc xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy CNQSDĐ không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố H. Do đó, nội dung Công văn số 1463/UBND ngày 31-5-2021 của UBND thành phố về việc thông tin cho công dân là đảm bảo quy định của pháp luật.

Do đó, yêu cầu hủy Công văn số 1463/UBND ngày 31-5-2021 của UBND thành phố H về việc thông tin cho công dân và buộc UBND thành phố H nhận lại hồ sơ, xác định lại diện tích đất ở đối với thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C, thành phố H cho hộ bà Nguyễn Thị M là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

- Chi cục Thuế thành phố H trình bày:

Việc ban hành các Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2050303-TK0004962/TB-CCT và Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2050303-TK0004961/TB-CCT ngày 25-9-2020 cho người nộp thuế của Chi cục Thuế thành phố H là đúng quy định của pháp luật. Chi cục Thuế thành phố H không có ý kiến gì về việc người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy 02 thông báo trên của Chi cục thuế thành phố H, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2022/HC-ST ngày 28-3-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

Căn cứ khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 173 của Luật Tố tụng hành chính.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của người khởi kiện về hủy Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 17-9-2020 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2050303-TK0004962/TB-CCT ngày 25-9-2020 và Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2050303-TK0004961/TB-CCT ngày 25-9-2020 của Chi cục Thuế thành phố H.

Căn cứ Điều 3, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 11, Điều 100 và Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị M.

- Hủy Công văn số 1463/UBND ngày 31-5-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thông tin cho công dân.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H nhận lại hồ sơ, xác định lại diện tích đất ở đối với thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C, thành phố H cho hộ bà Nguyễn Thị M theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 03-6-2022, UBND thành phố H kháng cáo bản án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị kiện kháng cáo; đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện; người khởi kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính:

- Bác kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của đương sự:

[2.1]. Về tố tụng:

Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 17-9-2020 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2050303-TK0004962/TB-CCT ngày 25-9-2020 và Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2050303-TK0004961/TB-CCT ngày 25-9-2020 của Chi cục Thuế thành phố H và Công văn số 1463/UBND ngày 31-5-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thông tin cho công dân có nội dung “*Làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân...*” nên là quyết định hành chính và là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Bà Nguyễn Thị M cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nên khởi kiện yêu cầu hủy quyết định và các thông báo này; đồng thời, yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố H nhận lại hồ sơ, xác định lại diện tích đất ở đối với thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C, thành phố H cho hộ gia đình bà theo đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định

đơn khởi kiện còn trong thời hiệu, nên thụ lý và xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng quy định tại Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1463/UBND ngày 31-5-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thông tin cho công dân và buộc Ủy ban nhân dân thành phố H nhận lại hồ sơ, xác định lại diện tích đất ở đối với thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C, thành phố H cho hộ bà Nguyễn Thị M theo đúng quy định pháp luật và rút yêu cầu khởi kiện về việc: Hủy Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 17-9-2020 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2050303-TK0004962/TB-CCT ngày 25-9-2020 và Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2050303-TK0004961/TB-CCT ngày 25-9-2020 của Chi cục Thuế thành phố H. Như vậy, việc bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND thành phố H nhận lại hồ sơ để xác định lại diện tích đất ở đối với thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C, thành phố H cho hộ bà Nguyễn Thị M là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện và việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của người khởi kiện về hủy quyết định và các thông báo (nêu trên) là đúng quy định tại khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 173 của Luật Tố tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

- Về nguồn gốc, quá trình kê khai, đăng ký qua các thời kỳ đối với thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam:

Theo Hồ sơ Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ thì thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C, thành phố H là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 6, xã C, diện tích 1.260 m², loại đất có ký hiệu T, do bà Nguyễn Thị M (hoặc Mau) đứng tên kê khai, đăng ký (do UBND xã C lập năm 1983). Theo Hồ sơ Nghị định 64/CP của Chính phủ là thửa đất số 81, tờ bản đồ số 4, xã C, diện tích 1.200 m², loại đất có ký hiệu T, do bà Nguyễn Thị M đứng tên kê khai, đăng ký.

Ngày 25-11-2004, UBND thành phố H cấp Giấy CNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị M đối với thửa 624, tờ bản đồ số 11 tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, với diện tích 1.268,1 m², trong đó có 200 m² đất ở và 1.068,1 m² đất vườn. Sau đó, hộ bà Nguyễn Thị M nộp đơn đề nghị chỉnh lý biên động diện tích đất ở tăng thêm và ngày 15-11-2019, hộ bà M được UBND thành phố H cấp đổi Giấy CNQSDĐ đối với thửa 624, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.291 m², trong đó có 222,9 m² đất ở (trong đó 22,9 m² được Nhà nước giao đất không thông qua đấu giá có thu tiền sử dụng đất) và 1.068,1 m² đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở.

Tại khoản 2 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Đối với trường hợp thửa đất có vườn ao được hình thành trước ngày 18-12-1980 và người đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó.*”

Trường hợp các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật này chưa xác định rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được công nhận không phải nộp tiền sử dụng đất được xác định bằng không quá 05 lần hạn mức giao đất ở quy định tại khoản 2 Điều 143 và khoản 4 Điều 144 của Luật này”.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ thì: *“Các loại giấy tờ khác lập trước ngày 15-10-1993 theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai có tên người sử dụng đất, bao gồm: 1. Sổ mục kê đất, Sổ kiến điền lập trước ngày 18-12-1980”.*

UBND thành phố H xác nhận thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C, thành phố H gia đình bà Nguyễn Thị M sử dụng trước ngày 18-12-1980, có kê khai, đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 6, xã C, diện tích 1.260 m², loại đất có ký hiệu T do bà Nguyễn Thị M (Mau) kê khai, đăng ký, nhưng lại cho rằng mặc dù hộ bà Nguyễn Thị M có tên trong Sổ mục kê, bản đồ 299/TTg, nhưng đây không phải là giấy tờ theo các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai, vì chính quyền địa phương tại thành phố H không lập Sổ đăng ký ruộng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 18-12-1980.

Xét thấy, đây không phải lỗi của người sử dụng đất, mà phải xác định lỗi của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình lập sổ và hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục kê khai, đăng ký qua các thời kỳ; đồng thời, cần phải xem xét đến thực tế sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị M có kê khai đăng ký và sử dụng đất trước ngày 18-12-1980 để xác định lại diện tích đất ở cho hộ bà Nguyễn Thị M (diện tích đất ở được xác định bằng không quá 05 lần hạn mức giao đất ở theo quy định tại khoản 2 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013) theo đúng quy định của pháp luật.

- Về thẩm quyền xác định lại diện tích đất ở:

Công văn số 1463/UBND ngày 31-5-2021 của UBND thành phố H về việc thông tin cho công dân và ý kiến của UBND thành phố H đều khẳng định việc xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình cá nhân đã được cấp Giấy CNQSDĐ không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố H, mà thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Theo quy định của pháp luật đất đai về xác định loại đất đã quy định đối với hộ gia đình, cá nhân thì cơ quan xác định loại đất là UBND cấp huyện và tại khoản 47 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở sau khi UBND cấp huyện xem xét đủ điều kiện xác định diện tích đất ở theo quy định tại khoản 5 điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ, thì Văn phòng Đăng ký đất đai trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cấp lại Giấy CNQSDĐ, cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính ...

Tại Mục 9 - Công văn số 5417/UBND-KTN ngày 19-8-2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam xác định: *“Đối với Giấy chứng nhận đã cấp trước ngày 01-7-2014 cho hộ gia đình, cá nhân nay người sử dụng đất có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở trong trường hợp thửa đất có vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở, đề nghị UBND cấp huyện xem xét thực hiện việc xác nhận diện tích đất ở vào Giấy chứng nhận đã cấp đảm bảo*

theo quy định tại Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013 và Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất”.

Như vậy, UBND thành phố H là cơ quan có thẩm quyền xác định lại diện tích đất ở trên Giấy CNQSDĐ đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị M đối với thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C, thành phố H. Trường hợp hộ bà M có yêu cầu cấp đổi Giấy CNQSDĐ, thì Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai H lập Phiếu chuyển và gửi kèm hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam để trình Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp đổi Giấy CNQSDĐ theo thẩm quyền.

Từ các căn cứ nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M “Hủy Công văn số 1463/UBND ngày 31-5-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thông tin cho công dân” và “Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H nhận lại hồ sơ, xác định lại diện tích đất ở đối với thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã Cẩm Thanh, thành phố H cho hộ bà Nguyễn Thị M theo đúng quy định pháp luật” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của người bị kiện là UBND thành phố H đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người bị kiện là UBND thành phố H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- 1.** Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.
 - Bác kháng cáo của người bị kiện là UBND thành phố H.
 - Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2022/HC-ST ngày 28-3-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.
- 2.** Áp dụng Điều 3, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; các Điều 11, 100 và 103 của Luật Đất đai năm 2013, xử:
 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị M.
 - Hủy Công văn số 1463/UBND ngày 31-5-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thông tin cho công dân.
 - Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H nhận lại hồ sơ, xác định lại diện tích đất ở đối với thửa đất số 624, tờ bản đồ số 11, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho hộ bà Nguyễn Thị M theo đúng quy định của pháp luật.
- 3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
- 4.** Về án phí hành chính phúc thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ủy ban nhân dân thành phố H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000180 ngày 22-6-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam nay được chuyển thành án phí; Ủy ban nhân dân thành phố H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- UBND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo đ/chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường